

Số: 134 /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 146 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và điểm a khoản 1 Điều 77 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07

tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Áp dụng Mẫu và Phụ lục

1. Mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng đối với hình thức chỉ định thầu trong nước theo quy trình thông thường quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi chung là Nghị định số 214/2025/NĐ-CP):

- a) Mẫu số 1A được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu xây lắp;
- b) Mẫu số 1B được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm hàng hóa;
- c) Mẫu số 1C được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn;
- d) Mẫu số 1D được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ tư vấn;
- đ) Mẫu số 1E được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu EP;
- e) Mẫu số 1G được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu EC;
- g) Mẫu số 1H được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu PC;
- h) Mẫu số 1I được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu EPC.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu quốc tế, gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ yêu cầu ban hành kèm theo Thông tư này theo hướng dẫn tại Phụ lục 8.

2. Mẫu báo cáo đánh giá:

a) Mẫu số 2A được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, máy đặt, máy mượn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 2B được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói

thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, máy đặt, máy mượn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 2C được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng.

Việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu báo cáo đánh giá ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

3. Mẫu báo cáo thẩm định được sử dụng cho đấu thầu qua mạng và đấu thầu không qua mạng, bao gồm:

a) Mẫu số 3A được sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu;

b) Mẫu số 3B được sử dụng để lập báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường;

c) Mẫu số 3C được sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu báo cáo thẩm định ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Mẫu kiểm tra hoạt động đấu thầu:

a) Mẫu số 4.1A được sử dụng để lập Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu;

b) Mẫu số 4.1B được sử dụng để lập Kế hoạch kiểm tra chi tiết;

c) Mẫu số 4.2 được sử dụng để lập Đề cương báo cáo tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

d) Mẫu số 4.3 được sử dụng để lập Báo cáo kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

đ) Mẫu số 4.4 được sử dụng để lập Kết luận kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

e) Mẫu số 4.5 được sử dụng để lập Báo cáo tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra.

5. Mẫu báo cáo kết quả giám sát hoạt động đấu thầu và báo cáo cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu:

a) Mẫu số 5.1 được sử dụng để lập Báo cáo kết quả giám sát hoạt động đấu thầu;

b) Mẫu số 5.2 được sử dụng để lập Báo cáo cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu.

6. Mẫu số 6 được sử dụng để lập Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

7. Các phụ lục:

a) Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu;

b) Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ);

c) Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

d) Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

đ) Phụ lục 3: Quyết định kiểm tra;

e) Phụ lục 4: Thông báo kiểm tra;

g) Phụ lục 5: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra;

h) Phụ lục 6: Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp;

i) Phụ lục 7: Mẫu bản cam kết;

k) Phụ lục 8: Hướng dẫn xây dựng mẫu hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu có yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu chỉ định thầu quốc tế.

Đối với Tờ trình, Quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu, Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu áp dụng đấu thầu không qua mạng, chủ đầu tư chỉnh sửa các mẫu tương ứng trong Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

cho phù hợp, bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

8. Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chỉ định thầu được áp dụng đối với gói thầu xây lắp thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác. Gói thầu xây lắp có quy mô, tính chất tương tự với gói thầu trước đó đã tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế được xác định như sau:

a) Có cùng loại kết cấu và cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; trường hợp gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng trước đó có cấp công trình cao hơn cấp công trình gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng về cấp công trình;

b) Có giá gói thầu không vượt 200% so với giá hợp đồng (bao gồm cả giá trị hợp đồng sau sửa đổi) của gói thầu xây lắp đã ký trong trường hợp chỉ định cho nhà thầu độc lập hoặc nhà thầu liên danh; có giá gói thầu không vượt 200% so với giá trị phần công việc xây dựng đảm nhận của thành viên liên danh trong hợp đồng của gói thầu xây lắp đã ký trong trường hợp chỉ định cho thành viên liên danh đó.

Nhà thầu độc lập hoặc nhà thầu liên danh thực hiện gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng trước đó được xem xét áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP khi đã hoàn thành, được nghiệm thu toàn bộ các công việc xây dựng theo quy định của hợp đồng đã ký. Thành viên liên danh thực hiện gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng trước đó được xem xét áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP khi đã hoàn thành, được nghiệm thu toàn bộ các công việc xây dựng do thành viên liên danh đó đảm nhận theo quy định của hợp đồng đã ký.

9. Trường hợp cần chỉnh sửa nội dung trong Mẫu hồ sơ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải bảo đảm việc chỉnh sửa là phù hợp với yêu cầu gói thầu và không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải nêu rõ các nội dung chỉnh sửa so với quy định trong Mẫu hồ sơ yêu cầu và lý do chỉnh sửa để chủ đầu tư xem xét, quyết định, trừ các nội dung theo Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được lựa chọn có năng lực, kinh nghiệm, giải pháp kỹ thuật để thực hiện gói thầu theo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu khác quy định trong hồ sơ yêu cầu.

Điều 3. Quy định về định dạng của tệp tin (file) đính kèm và xử lý kỹ thuật trong trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát

1. Quy định về định dạng tệp tin (file) đính kèm; xử lý kỹ thuật trong

trường hợp Hệ thống gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 79/2025/TT-BTC.

2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu đính kèm trên Hệ thống không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì chủ đầu tư phải đăng tải và phát hành lại toàn bộ hồ sơ yêu cầu.

3. Trường hợp hồ sơ đề xuất không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể mở hoặc không đọc được thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ.

Điều 4. Cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Định kỳ hằng năm, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc báo cáo bằng văn bản gửi đến Bộ Tài chính trong trường hợp có yêu cầu về bảo mật.

3. Sở Tài chính, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu giúp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm của chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Chủ đầu tư, bên mời thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu đến cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này và được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 5. Thời gian báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức khác gửi báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Trường hợp thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hằng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

3. Chủ đầu tư, bên mời thầu gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm theo yêu cầu về thời hạn báo cáo của Sở Tài chính,

đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2026.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 80/2025/TT-BTC hết hiệu lực thi hành.
3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia như sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 04A Chương VI Mẫu số 3A, 3B, 4A, 4B, 5A, 5B, 7A, 7B, 8A, 8B, 9A, 9B, 10A, 10B, 11A, 11B, 12A và 12B ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC như sau:

“Mẫu số 04A (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU/CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẢO LÃNH⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU/CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẢO LÃNH số: ____ *[ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh dự thầu/chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của bên bảo lãnh
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Bỏ cụm từ “Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh” đối với Bảo lãnh dự thầu; bỏ cụm từ “Bảo lãnh dự thầu” đối với Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh.

Trường hợp Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (thời điểm kết thúc hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh được coi là không hợp lệ.”

b) Sửa đổi, bổ sung mẫu số 04B Chương VI Mẫu số 3A, 3B, 4A, 4B, 5A, 5B, 7A, 7B, 8A, 8B, 9A, 9B, 10A, 10B, 11A, 11B, 12A và 12B ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC như sau:

“Mẫu số 04B (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU/CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẢO LÃNH⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh):____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành:____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU/CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẢO LÃNH số:____
[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:____*[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin*

này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là _____ *[ghi tên nhà thầu]*⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số _____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh dự thầu/chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận

khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của bên bảo lãnh
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Bỏ cụm từ “Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh” đối với Bảo lãnh dự thầu; bỏ cụm từ “Bảo lãnh dự thầu” đối với Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh.

Trường hợp Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực

hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu;
- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (thời điểm kết thúc hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và Bảo lãnh dự thầu/Chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh được coi là không hợp lệ.”

c) Thay thế cụm từ “50 triệu đồng” thành “100 triệu đồng” tại ghi chú (1) Bảng số 01 Mục III và ghi chú (1) Bảng số 02 Mục IV Mẫu số 2A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính để kịp thời hướng dẫn.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, gửi dự thảo hợp đồng đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục lựa chọn nhà thầu, ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng và giải quyết kiến nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP, Thông tư số 79/2025/TT-BTC và Thông tư số 80/2025/TT-BTC.

2. Đối với Quyết định kiểm tra hoạt động đấu thầu được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc kiểm tra thực hiện theo Quyết định đó và quy định tại Thông tư số 80/2025/TT-BTC./.14

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, Cục QLĐT

(100b)

KT. BỘ TRƯỞNG

TÀI THƯ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

Trần Quốc Phương

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu

Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 3: Quyết định kiểm tra

Phụ lục 4: Thông báo kiểm tra

Phụ lục 5: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra

Phụ lục 6: Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp

Phụ lục 7: Mẫu bản cam kết

Phụ lục 8: Hướng dẫn xây dựng mẫu hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu có yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu chỉ định thầu quốc tế.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU⁽¹⁾**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Chủ đầu tư và các nhà thầu nộp HSDT:

1. Chủ đầu tư: _____ [Ghi tên Chủ đầu tư].

Đại diện là ông/bà: _____ [Ghi tên]

Chức vụ: _____ [Ghi chức vụ]

2. Danh sách các nhà thầu nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Địa chỉ	Số điện thoại, fax	Tình trạng niêm phong	Ghi chú

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ của nhà thầu].

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)

Thời điểm đóng thầu: _____ [Ghi thời điểm đóng thầu] tại _____ [Ghi địa điểm đóng thầu].

Chữ ký của Chủ đầu tư _____

[Đại diện Chủ đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có)].

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng cho đấu thầu không qua mạng, trường hợp không cần thiết thì không cần lập mẫu này.

Phụ lục 2A

a) Đối với gói thầu đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế thì áp dụng mẫu sau đây:

[**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ**]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN MỞ THẦU

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại _____ [Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU

STT	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1.	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2.	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3.	Bản gốc HSDT			
4.	Số lượng bản chụp HSDT			
5.	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			
6.	Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			

STT	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
7.	Giảm giá (nếu có)			
8.	Giá dự thầu sau giảm giá			
9.	Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu			
10.	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu (nếu có);			
11.	Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Chủ đầu tư điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu*]

Chữ ký của đại diện Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu:

Ghi chú:

Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu và quy định pháp luật hiện hành.

b) Đối với gói thầu chỉ định thầu thông thường thì áp dụng mẫu sau đây:

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN MỞ THẦU

Việc mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ [*Ghi thời điểm mở thầu*].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

II. Tên gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu theo KHLCNT*].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU¹:

- Tên nhà thầu (tham dự độc lập hay liên danh): _____ [*Ghi thông tin*];

- Giá dự thầu trong đơn dự thầu: _____ [*Ghi thông tin*];

- Giá trị giảm giá (nếu có): _____ [*Ghi thông tin*];

- Thời gian có hiệu lực của HSDX: _____ [*Ghi thông tin*];

- Thời gian thực hiện gói thầu: _____ [*Ghi thông tin*];

- Các thông tin khác liên quan: _____ [*Ghi thông tin*].

Việc mở thầu kết thúc vào lúc: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc*]

Chữ ký của đại diện Chủ đầu tư: _____

¹ Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, chủ đầu tư bổ sung các nội dung sau: văn bản đề nghị rút HSDX (nếu có); tình trạng niêm phong của HSDX trước khi mở thầu; bản gốc HSDX; số lượng bản chụp HSDX.

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT
 (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ [Ghi thời điểm mở thầu] tại _____ [Ghi địa điểm mở thầu].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): _____ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXKT

STT	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HSDXKT			
4	Số lượng bản chụp HSDXKT			
5	Thời gian có hiệu lực của HSDXKT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDXKT nêu trong đơn dự thầu)			
6	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu (nếu có)			
7	Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu			

STT	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
8	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXKT (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [*Chủ đầu tư điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXKT kết thúc vào: _____ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXKT*].

Chữ ký của đại diện Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT:

Ghi chú:

Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSDXKT.

HSDXTC của tất cả các nhà thầu phải được Chủ đầu tư niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Chủ đầu tư, nhà thầu tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.

Việc mở HSDXKT tuân thủ theo quy định của pháp luật về đấu thầu và HSMT

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSDXTC được bắt đầu vào lúc _____ [Ghi thời điểm mở HSDXTC]
 tại _____ [Ghi địa điểm mở HSDXTC].

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu tham dự: _____ [Ghi tên các nhà thầu].

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXTC

STT	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			
2	Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật			
3	Bản gốc HSDXTC			
4	Số lượng bản chụp HSDXTC			
5	Đơn dự thầu thuộc HSDXTC			
6	Thời gian có hiệu lực của HSDXTC			
7	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
8	Giá trị giảm giá (nếu có)			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXTC (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [Chủ đầu tư điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].

Bản chụp biên bản mở HSDXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXTC kết thúc vào: _____ [Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXTC].

Chữ ký của đại diện Chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC: _____

Ghi chú:

Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC.

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

....., ngàythángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra.....¹ tại²

[NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]

Căn cứ.....[nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra];

Xét đề nghị của.....[ghi chức danh người đứng đầu đơn vị thực hiện kiểm tra];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra.....¹ tại.....² gồm các thành viên sau:

1. Ông (Bà), Trưởng đoàn;
2. Ông (Bà), Phó Trưởng đoàn;
3. Ông (Bà), Thư ký đoàn;
4. Ông (Bà), Thành viên;
5.

Điều 2. Mục đích, nội dung và phạm vi, đối tượng kiểm tra

1. Mục đích kiểm tra: ...
2. Nội dung và phạm vi kiểm tra: ...
3. Đối tượng kiểm tra: ...

Điều 3. Thời gian kiểm tra

1. Dự kiến thời gian kiểm tra: ...

2. Thời gian hoàn thành Báo cáo kiểm tra và Kết luận kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 128 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết, tiến hành theo đúng mục đích, nội dung, tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

¹ Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

² Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

2. Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ.

3. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ và Kết luận kiểm tra được phê duyệt.

4. Nội dung khác (nếu cần thiết).

Điều 5. Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra

[Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ]

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và *[cá nhân có liên quan]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

[Ghi nơi nhận]

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN KIỂM TRA HOẶC
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

....., ngày tháng năm

V/v kiểm tra¹

Kính gửi:²

Căn cứ [*Nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra*];

.....³ thông báo tới đơn vị được kiểm tra về việc kiểm tra¹ (kèm theo Kế hoạch kiểm tra chi tiết) và đề nghị đơn vị được kiểm tra phối hợp với Đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Báo cáo bằng văn bản theo các nội dung yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra chi tiết.

2. Tổ chức cuộc họp giữa Đoàn kiểm tra với đơn vị được kiểm tra để công bố Quyết định kiểm tra vào ...⁴

3. Các đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ việc kiểm tra.

Đề nghị đơn vị được kiểm tra hỗ trợ và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
[*Ghi nơi nhận*]

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA
HOẶC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA**
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Phụ lục 5

¹ Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

² Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

³ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc tên đơn vị thực hiện kiểm tra.

⁴ Ghi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp.

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN KIỂM TRA**
Đoàn kiểm tra ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN
Công bố Quyết định kiểm tra

[Ghi thời gian, địa điểm công bố Quyết định], Đoàn kiểm tra thực hiện công bố Quyết định kiểm tra¹ như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn kiểm tra:

- Ông (Bà), Trưởng đoàn;
- Ông (Bà), Phó trưởng đoàn;

Cùng các thành viên Đoàn kiểm tra theo thành lập theo Quyết định số.....ngày.....của

2. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

- Ông (Bà), Chức vụ:

3. Đại diện lãnh đạo các chủ đầu tư/ban quản lý dự án.....thuộc đơn vị được kiểm tra.

4. Đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

II. NỘI DUNG

[Ghi nội dung trong Hội nghị công bố Quyết định]

Việc công bố Quyết định kiểm tra kết thúc vào *[ghi thời gian kết thúc Hội nghị]*.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
ĐƯỢC KIỂM TRA**
[Ký và ghi rõ họ tên]

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
[Ký và ghi rõ họ tên]

¹ Ghi số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đầu thầu được kiểm tra.

Phụ lục 6

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đoàn kiểm tra ...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc kết thúc kiểm tra trực tiếp tại¹

Kính gửi:¹

Thực hiện Quyết định kiểm tra [nêu số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra], Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....² tại¹.

[Ghi các nội dung chính có liên quan về việc thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp như: việc đánh giá sơ bộ của Đoàn kiểm tra, việc cung cấp tài liệu và phối hợp trong việc xây dựng dự thảo Báo cáo kiểm tra,...]

Đoàn kiểm tra thông báo đến.....¹ để biết.

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

[Ký và ghi rõ họ tên]

Nơi nhận:

- [Ghi nơi nhận];
- Lưu hồ sơ Đoàn kiểm tra.

¹ Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

² Ghi cụ thể thời gian thực hiện kiểm tra.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là: _____ [*Ghi tên thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định*]

Địa chỉ: _____ [*Ghi rõ địa chỉ*]

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ [*Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp*]

Là thành viên tham gia thẩm định ____ [*Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời sơ tuyển/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm/kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển/kết quả lựa chọn nhà thầu*] gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] theo ____ [*ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn*].

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Thẩm định ____ [*Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời sơ tuyển/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm/kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển/kết quả lựa chọn nhà thầu*] trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật Đấu thầu.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết

[Ký, ghi rõ họ tên]

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU CÓ YÊU CẦU BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VÀ GÓI THẦU CHỈ ĐỊNH THẦU QUỐC TẾ

Chủ đầu tư sử dụng các mẫu hồ sơ yêu cầu quy định tại Điều 2 Thông tư này và điều chỉnh một số nội dung như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 của nội dung về tư cách hợp lệ của nhà thầu như sau¹:

“1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu”.

Trường hợp không đủ điều kiện xác định nhà thầu trong nước không thể tham gia vào bất cứ phần công việc nào của gói thầu, chủ đầu tư có thể thực hiện bước khảo sát sự quan tâm của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 26 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu trong nước đăng ký thì nhà thầu nước ngoài không phải liên danh hoặc sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu trong nước, trong trường hợp này, chủ đầu tư không quy định điểm i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Sửa đổi nội dung về làm rõ, sửa đổi HSYC như sau²:

“1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trước ngày có thời điểm đóng thầu theo địa chỉ _____/[Ghi địa chỉ nhận hồ sơ của Chủ đầu tư].

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDX thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.”

3. Sửa đổi nội dung về chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu như sau³:

“1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu: _____/[Ghi đồng tiền dự thầu mà nhà thầu được phép chào (không quá 03 loại tiền tệ)]

Đối với chi phí trong nước liên quan đến việc thực hiện gói thầu, dự án, nhà thầu phải chào thầu bằng Đồng Việt Nam. Đối với chi phí ở nước ngoài liên quan đến việc thực hiện gói thầu, dự án, nhà thầu được chào thầu bằng đồng tiền nước ngoài, Đồng Việt Nam.

¹ Áp dụng đối với gói thầu chỉ định thầu quốc tế.

² Áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế.

³ Áp dụng đối với gói thầu chỉ định thầu quốc tế.

Chi phí trong nước là các chi phí để thực hiện gói thầu phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam và phải được thanh toán bằng đồng Việt Nam. Chi phí ở nước ngoài là các chi phí để thực hiện gói thầu phát sinh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam và được thanh toán bằng đồng tiền nước ngoài hoặc đồng Việt Nam theo quy định trong hợp đồng.

Trường hợp cho phép nhà thầu chào nhiều hơn 01 loại tiền tệ thì bổ sung thêm các nội dung sau đây:

“Đồng tiền quy đổi là: _____ [*Ghi cụ thể 01 đồng tiền trong các loại tiền tệ nhà thầu được phép chào. Trường hợp trong số các đồng tiền có VND thì đồng tiền quy đổi là VND*];

Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là ngày: _____ [*Ghi cụ thể ngày, tháng, năm*];

Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: _____ [*Ghi tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam*];

Đồng tiền trung gian: _____ [*ghi đồng tiền là ngoại tệ tự do chuyển đổi (USD, EUR...) để quy đổi từ các loại đồng tiền được phép chào về đồng tiền quy đổi trong trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này và đồng tiền quy đổi. Trong trường hợp này, cần quy định thêm về công thức xác định tỷ giá quy đổi thông qua đồng tiền trung gian (tỷ giá bán ra, mua vào...)*].

Đồng tiền quy đổi, đồng tiền trung gian được sử dụng để so sánh giá dự thầu.

3. Ngôn ngữ sử dụng: _____

[*Trường hợp HSYC bằng tiếng Anh thì ghi “HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Anh. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Anh. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết)”*];

Trường hợp HSYC bằng tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “tiếng Anh và tiếng Việt, nhà thầu được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX bằng cả hai ngôn ngữ, nếu có bất kỳ sự sai khác nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì căn cứ vào bản tiếng Việt. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng ngôn ngữ nhà thầu lựa chọn để dự thầu. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ nhà thầu lựa chọn để dự thầu. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết)”].”

4. Sửa đổi khoản 2 nội dung về thành phần của HSDX như sau¹:

¹ Áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế.

“2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III (đối với trường hợp liên danh);”.

5. Sửa đổi nội dung về chuẩn bị và nộp HSDX như sau:

“1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và ____ bản chụp HSDX [*Ghi số lượng yêu cầu nhưng không quá 03 bản*], ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.”

6. Sửa đổi nội dung về thời điểm đóng thầu và mở thầu như sau¹:

“1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư [*Ghi địa chỉ*] nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm đóng thầu*].

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu sau thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- Tên nhà thầu (tham dự độc lập hay liên danh);
- Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSDX.

¹ Áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế.

7. Sửa đổi nội dung về thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a)¹ “1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu được lựa chọn. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng.
- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.
- Tên, phạm vi công việc, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.”

b)² Xóa bỏ khoản 2 nội dung này.

8. Sửa đổi nội dung đối với Chương II như sau³:

a) Bổ sung nội dung về “Kiểm tra HSDX” vào trước khoản 1 Mục 1:

“Kiểm tra HSDX:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.”.

¹ Áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước.

² Áp dụng đối với gói thầu chỉ định thầu quốc tế.

³ Áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế.

- Bổ sung điểm “e) Có bản gốc HSDX” vào sau điểm đ khoản 1 Mục 1.

9. Sửa đổi, bổ sung đối với Chương III¹

a) Bổ sung nội dung ủy quyền ký thỏa thuận liên danh vào mẫu Giấy ủy quyền.

b) Thay thế Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh thành mẫu sau:

“Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu*]

Thuộc: ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]

- Căn cứ ____ [*Luật Đấu thầu*]⁽²⁾;

- Căn cứ ____⁽²⁾;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói

¹ Áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế.

thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;
 - Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc _____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.”